TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125/**2025/HS-ST
Ngày 29-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Tam;

2/ Bà Vương Thị Khánh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh, thư ký Tòa án khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2025, tại trụ sở tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2025/HSST ngày 01/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-HS ngày 06/8/2025 đối với bị cáo:

Lê Quang H, năm 1982 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: khu phố 5, phường T1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Kỹ sư; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1952 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Mai Quỳnh H, sinh năm 1985, có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo bị được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (có mặt).

- *Bị hại:* Bà **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Lê Thị Bích N, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt)

2/ Ông Phan Công C, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: đường N, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L,

tỉnh Tây Ninh). (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Mai Quỳnh H**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 23/08/2024, Lê Quang H điều khiển xe ô tô biển số 60A – 415.19 lưu thông trên đường nội bộ khu dân cư N, hướng khu phố 5, phường T1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) đi về hướng đường P. Khi H điều khiển xe đến ngã ba giao nhau giữa đường nội bộ khu dân cư với đường N (đối diện Trường C Đồng Nai), thuộc khu phố 4, phường T1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố G, phường T, tỉnh Đồng Nai), H điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ trái vào đường N đi hướng ra đường P. Do H điều khiển xe chuyển hướng không đảm bảo an toàn, thiếu chú ý quan sát nên đã để phần bên trái cản nhựa phía trước xe ô tô va chạm với bà Võ Thị Mỹ H (sinh năm 1958, cư trú tại số khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố Bến Đá, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai) đang đi bộ băng ngang sang đường N từ phải sang trái và đã đi qua 1/2 đường (theo hướng xe H lưu thông) gây tai nạn làm bà H ngã xuống đường gây thương tích.

Sau khi tai nạn xảy ra, Lê Quang H điều khiển xe ô tô biển số 60A – 415.19 đưa bà H đi cấp cứu và các bên tự thỏa thuận với nhau nên không trình báo Công an. Đến ngày 04/12/2024, Lê Quang H đến Công an phường T1 (nay là Công an phường T) trình báo sự việc. Công an phường T1 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai) xử lý.

Hậu quả: bà Võ Thị Mỹ H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 94%.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Quang H thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường đã thu thập được các dấu vết như sau: Tất cả các dấu vết đều thu thập được đo vào mép đường bên phải đường N theo hướng ngã ba đi đường P làm chuẩn (gọi tắt là lề phải).

Mốc là trụ điện số 6 nằm bên phải đường N theo hướng hướng ngã ba đi đường P.

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là ngã ba giao đường N, hướng từ khu dân cư ra đường V mặt đường 07m80, đường trải nhựa bằng phẳng, không có biển báo. Hướng ngã ba ra đường P trải nhựa bằng phẳng có vạch sơn vàng đứt nét (vạch 1.1) ở giữa chia 02 chiều lưu thông, chiều từ ngã ba ra đường P rộng 03m50, chiều ngược lại rộng 03m60, hai bên đường có vỉa hè, nhà dân.

Vị trí dấu vết được đánh số và mô tả như sau:

+ Số 1 là vị trí xe ô tô biển số 60A-415.19 dừng trên đường, đầu xe quay hướng đường P, đuôi xe quay hướng ngã ba cổng trường C. Trục bánh sau bên phải cách mốc 06m40, cách lề phải 03m80. Trục bánh trước bên phải cách lề phải 03m10.

+ Số 2 là vị trí nạn nhân ngã sau tai nạn đầu nạn nhân quay vào lề trái, chân quay vào lề phải, đầu nạn nhân cách lề phải 05m30, cách trục bánh sau bên phải xe số 1 là 01m80, cách trục bánh trước bên trái xe số 1 là 02m.

+ Số 3 là vị trí va chạm (điểm đụng) cách lề phải là 06m50, cách trục bánh sau bên phải xe số 1 là 02m70, cách vị trí nạn nhân là 03m20, cách lề phải đường từ khu dân cư ra đường Võ Thị Sáu là 19m40.

(Bút lục số: 44-47).

- Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 0144.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 26/02/2025 của Trung tâm pháp y Đồng Nai, kết luận thương tích của bà Võ Thị Mỹ H như sau:

- Sẹo vùng đỉnh trái kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Sẹo vùng chẩm kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Vết biến đổi sắc tố da vai trái. Tỷ lệ: 0,5%.
- Vết biến đổi sắc tố da vùng phía sau hõm nách trái. Tỷ lệ: 0,5%.
- Nhiều vết biến đổi sắc tố da lưng trái và phải. Tỷ lệ: 01%.
- Vết biến đổi sắc tố da hông trái. Tỷ lệ: 0,5%.
- Sẹo mổ dẫn lưu ngực bên phải kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Sẹo vùng khuỷu phải kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Sẹo vùng khuỷu phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%.
- Sẹo cánh cẳng tay trái kích thước lớn. Tỷ lệ: 03%.
- Sẹo vùng cùng cụt kích thước lớn. Tỷ lệ: 03%.
- Sẹo vạt da vùng mông phải (sẹo mổ) kích thước lớn. Tỷ lệ: 03%.
- Sẹo đùi phải kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Sẹo đùi phải kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Ba vết biến đổi sắc tố da gối phải và hai vết biến đổi sắc tố da cẳng chân phải. Tỷ lệ: 01%.
- Sẹo vùng gối trái kích thước trung bình trên nền vết biến đổi sắc tố da đùi - gối trái. Tỷ lệ: 02%.
- Sẹo cẳng chân trái kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Mở khí quản. Tỷ lệ: 03%.
- Tụ máu dưới màng cứng đã điều trị hiện không còn hình ảnh máu tụ. Tỷ lệ: 08%.
- Xuất huyết dưới nhện di chứng thần kinh gây yếu tứ chi (liệt tứ chi mức độ nhẹ). Tỷ lệ: 61%.
- Tổn thương tràn dịch, tràn khí màng phổi phải + dập phổi đã phẫu thuật dẫn lưu hiện không để lại di chứng. Tỷ lệ: 10%.
- Tổn thương tràn dịch, tràn khí màng phổi trái + dập phổi đã điều trị không để lại di chứng. Tỷ lệ: 06%.
- Gãy xương vai phải. Tỷ lệ: 06%.
- Gãy xương vai trái. Tỷ lệ: 06%.

- Trật khớp cùng đòn phải, hiện tại còn trật khớp cùng đòn. Tỷ lệ: 11%.
- Gãy xương ức, không biến dạng lồng ngực. Tỷ lệ: 06%.
- Gãy mỏm gai D4 - D5 - D6. Tỷ lệ: 20%.
- Gãy xương sườn số I bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số II bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số III bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số IV bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số V bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số VI bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số VII bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số VIII bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số IX bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5%.
- Gãy xương sườn số IV bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%.
- Gãy xương sườn số V bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%.
- Gãy xương sườn số VI bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%.
- Gãy xương sườn số VII bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%.
- Gãy xương sườn số VIII bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%.
- Gãy xương sườn số IX bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%.
- Gãy đa xương sườn gây rối loạn thông khí phổi hạn chế mức độ trung bình. Tỷ lệ: 16%.
- Chấn thương gan điều trị bảo tồn. Tỷ lệ: 05%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1958 tại thời điểm giám định là: 93% (Chín mươi ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận khác: Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh tại bệnh viện nơi bệnh nhân điều trị có tổn thương trật khớp cùng đòn trái hay không? Nếu có, đề nghị trưng cầu giám định bổ sung.

(Bút lục số: 57-63).

- Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 0468.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 20/5/2025 của Trung tâm pháp y Đồng Nai, kết luận thương tích của Võ Thị Mỹ H như sau:

1. Các kết quả chính phần giám định bổ sung:

- Trật khớp cùng đòn trái.

2. Kết luận:

- Đã được Trung tâm Pháp y Đồng Nai giám định kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể trên người sống của Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1958 tại thời điểm giám định là 93% trong bản kết luận số 0144.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 26/02/2025.

Phần giám định bổ sung:

- Trật khớp cùng đòn trái. Tỷ lệ: 11%

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1958 tại thời điểm giám định bổ sung là: 94% (Chín mươi bốn phần

trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. (Bút lục số: 72-74).

- *Tại kết luận giám định số 282/KL-KTHS ngày 20/02/2025 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận dấu vết giữa xe ô tô biển số 60A-415.19 với người bộ hành như sau:*

+ Không đủ cơ sở xác định có sự va chạm giữa xe ô tô biển số 60A – 415.19 với bộ hành trong quá trình xảy ra vụ việc.

+ Dấu vết trượt, hằn, lún tại cạnh trên bên trái cản nhựa phía trước (đoạn giáp chấu cố định dưới của cụm đèn chiếu sáng trước bên trái) có chiều từ trước về sau, phù hợp va chạm với vật tày (dạng mềm).

(Bút lục số: 78-81).

- *Vật chứng:*

+ 01 đĩa DVC chứa đoạn video vụ tai nạn giao thông (Lưu giữ tại hồ sơ).

Cơ quan điều tra thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu gồm:

+ 01 xe ôtô biển số 60A-415.19.14 hiệu NISSAN màu trắng đen, cho chị Mai Quỳnh H (sinh năm 1985, ngụ tại khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai-nay là khu phố Nam Hà, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai) là chủ sở hữu. (Bút lục số: 182-183, 186).

- *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, bị can Lê Quang H đã bồi thường cho bị hại bà Võ Thị Mỹ H tiền điều trị thương tích và các thiệt hại khác với tổng số tiền là 385.000.000đ (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Đồng thời bị hại bà Võ Thị Mỹ H đã có đơn bãi nại ngày 13/8/2025 cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 68/CT-VKS-HS ngày 30/7/2025 Viện kiểm sát khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Lê Quang H về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang H từ 16 đến 20 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quá trình điều tra, giải quyết vụ án bị hại đã nhận tiền bồi thường đồng thời bị hại đã có đơn bãi nại cho bị cáo, tại đơn bãi nại bị hại đã có ý kiến trình bày không yêu cầu bồi thường thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Quỳnh H đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình điều tra bà Mai Quỳnh H đã có lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Theo như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang H thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05 giờ ngày 23/08/2024, tại ngã ba giao nhau giữa đường nội bộ khu dân cư với đường N (đối diện Trường C Đồng Nai), thuộc khu phố 4, phường T1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố G, phường T, tỉnh Đồng Nai), Lê Quang H có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 60A – 415.19 lưu thông chuyển hướng rẽ trái thiếu chú ý quan sát phía trước, không đảm bảo an toàn nên đã để bên trái đầu xe ô tô biển số 60A-415.19 đụng vào bà Võ Thị Mỹ H đang đi bộ qua đường (đã đi qua hết ½ đường) từ phải qua trái làm bà H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 94%. Hành vi của H vi phạm khoản 23 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019.

Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Lê Quang H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 68/CT-VKSBH ngày 30/7/2025 của Viện Kiểm sát khu vực 1 - Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Lê Quang H về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo có giấy phép lái xe hợp lệ, có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên phải hiểu luật giao thông đường bộ và phải biết đảm bảo an toàn cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của bản thân và người khác khi tham gia giao thông. Tuy nhiên do chuyển hướng rẽ trái thiếu chú ý quan sát và không không đảm bảo an toàn nên H đã để bên trái đầu xe ô tô biển số 60A-415.19 va chạm với người đi bộ sang đưuòng gây tai nạn. Hành vi của bị cáo mặc dù là lỗi vô ý nH đã gây tai nạn dẫn tới hậu quả thương tật 94% cho bị hại.

[2.3] Bà Võ Thị Mỹ H là người đi bộ sang đường tại nơi không có vạch kẻ giành cho người đi bộ sang đường. Hành vi của bà H là vi phạm khoản 2 Điều 10, nghị định 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Như vậy nguyên nhân xảy ra tai nạn cũng có một phần là do lỗi của bà H.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân, được bị hại bãi nại; Bị cáo có đơn trình bày gia đình bị cáo có công với cách mạng (ông ngoại là thương binh, mẹ là thanh niên xung phong), bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi cha mẹ già và hai con nhỏ; ngoài ra tai nạn xảy ra cũng do một phần lỗi của bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 3 tình tiết ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và việc không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù không làm ảnh hưởng đến khả năng tự cải tạo của bị cáo. Do đó bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo cũng như vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về vật chứng vụ án và Trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng vụ án:

+ Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 xe ôtô biển số 60A-415.19.14 hiệu NISSAN màu trắng đen, cho chị Mai Quỳnh H (sinh năm 1985, ngụ tại khu phố 2, phường T2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố N, phường T, tỉnh Đồng Nai) là chủ sở hữu là phù hợp.

- Về Trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Võ Thị Mỹ H đã nhận được tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên không xem xét;

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng

xét xử nên chấp nhận;

[7] Đối với phần trình bày của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quang H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang H **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Quang H cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Quang H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhàn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ:

Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)